

H, ngày 02 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 275, Điều 280, Điều 282, 287, khoản 1 Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25/10/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-DS ngày 04/10/2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 25/10/2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Xuân H, sinh năm 1939 và bà Mai Thị L, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Đức M – sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Trần Xuân Ph1, sinh năm 1977 và chị Trịnh Thị Ph2, sinh năm 1977 (Là vợ chồng).

Địa chỉ: Đội 6, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ gốc: Các bên thống nhất thỏa thuận, tính đến ngày 25/10/2022, anh Trần Xuân Ph1 và chị Trịnh Thị Ph2 còn nợ ông Ngô Xuân H và bà Mai Thị L số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Toàn bộ số tiền nợ trên, anh Trần Xuân Ph1 và chị Trịnh Thị Ph2 có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông H, bà L mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng, thời gian trả nợ tính từ tháng 11/2022 cho đến khi trả hết số tiền nợ trên.

Trường hợp chị Ph2, anh Ph1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ số tiền trả nợ theo kỳ hạn như các bên đã thỏa thuận thì ông H, bà L có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án để thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại. Ngoài số tiền nợ gốc phải thanh toán thì anh Ph1, chị Ph2 còn phải thi hành khoản tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án;

Về án phí dân sự: Các bên thống nhất thỏa thuận, anh Trần Xuân Ph1 và chị Trịnh Thị Ph2 phải chịu số tiền án phí là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi